TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 22/2021/DS-ST Ngày 13 tháng 9 năm 2021 *"V/v Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và đòi lại tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Kim Quy

2. Ông Đặng Văn Sơn

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về "*Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền và đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Số 0.. L, tổ dân phố .., thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền : Bà Nguyễn Thị H . Địa chỉ: H, phường .., quận P, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguy ên đơn: Ông Nguyễn Tiến T – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư B. Địa chỉ: N, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L . Địa chỉ: Thôn T, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Ngoc A, sinh năm 1932 (là chồng bà Bùi Thị B)

Địa chỉ: Số L, tổ dân phố ., thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1938. Địa chỉ: Số L, tổ dân phố ., thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà .. H, thị trấn B, huyện K tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3/ Ngân hàng T Việt Nam

Địa chỉ: .., H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi Nguyên B – Giám đốc Phòng giao dịch K – Ngân hàng T Việt Nam chi nhánh B. Địa chỉ: H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Bùi Thị B, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T trình bày: Năm 2020, vợ chồng bà Bùi Thị B, ông Nguyễn Ngọc A bán căn nhà tại số ..H, tổ dân phố .., thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được số tiền hơn 03 tỷ đồng (3.170.000.000 đồng). Bà B cùng các con bàn bạc và đã thực hiện cho 07 người con gái mỗi người số tiền 200.000.000 đồng, cho 15 người cháu mỗi cháu 5.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng bà B có nhận chuyển nhượng một thửa đất ở khu Đông Nam.

Trước đó, ngày 06/02/2020, bà Bùi Thị B ký tên vào Giấy ủy quyền do bà Nguyễn Thị L đưa với nội dung: Bà Bùi Thị B ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L cùng bà giải quyết mọi vấn đề trong gia đình có kèm bàn với các thành viên gia đình. Giấy ủy quyền có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị M (là 02 người con của bà B, ông A).

Ngày 15/9/2020, sau khi nhận tiền do bên mua nhà thanh toán thì bà B ủy quyền cho bà L đứng tên gửi tiền tiết kiệm ngân hàng với số tiền là 500.000.000 đồng, rút tiền lãi hàng tháng đưa cho vợ chồng bà B; ủy quyền cho bà L đứng tên gửi tiền tiết kiệm ngân hàng với số tiền là 1.100.000.000 đồng, khi cần đến thông qua các thành viên để lo việc cho vợ chồng bà B (nội dung ủy quyền thể hiện tại "Giấy phân chia tài sản" ngày 15/9/2020).

Khi ủy quyền thì bà B đã nói rõ với bà L là khi nào bà B tìm được nơi ở mới thì bà L phải có trách nhiệm rút toàn bộ số tiền đã gửi tiết kiệm Ngân hàng về để bà B lo cuộc sống vợ chồng bà.

Thực tế, ngày 22/9/2020 bà L đã mở 02 sổ tiết kiệm, gồm: 01 Thẻ tiết kiệm với số tiền 500.000.000 đồng, có kỳ hạn 12 tháng (theo số tiết kiệm có kỳ hạn số: AAC 5707519 do Ngân hàng T Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K phát hành) và 01 Thẻ tiết kiệm với số tiền 1.700.000.000 đồng, có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng T Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K.

Sở dĩ, ban đầu sổ tiết kiệm thứ hai có số tiền 1.700.000.000 đồng là do lúc này 03 người con gái chưa nhận tiền. Sau đó, bà B yêu cầu và bà L đã thực hiện việc giao dịch gửi - rút tiền nhiều lần đối với khoản tiền 1.700.000.000 đồng để bà B cho các

con, thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi tiêu sinh hoạt gia đình… Đến thời điểm ngày 14/10/2020 còn lại số tiền là 655.000.000 đồng (theo Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số: AAC 5707469 do Ngân hàng T Việt Nam – Chi nhánh B– Phòng giao dịch K phát hành).

Do nhu cầu sử dụng tiền để làm nhà, chữa bệnh cho ông A, chi tiêu sinh hoạt gia đình nên bà B đã nhiều lần yêu cầu bà L rút tiền đưa cho bà B nhưng bà L tìm mọi cách thoái thác, không thực hiện theo yêu cầu của bà B.

Vì vậy, bà B khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy việc ủy quyền của bà Bùi Thị B cho bà Nguyễn Thị L đứng tên gửi tiết kiệm ngân hàng với số tiền gốc ban đầu tổng cộng là 1.155.000.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho vợ chồng bà Bùi Thị B, ông Nguyễn Ngọc A số tiền gốc ban đầu tổng cộng là 1.155.000.000 đồng, số tiền gốc và lãi phát sinh theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số: AAC 5707519 ngày 22/9/2020, số tiền gửi 500.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng và Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số: AAC 5707469 ngày 14/10/2020, số tiền gửi 655.000.000 đồng, kỳ hạn 01 tháng đều đứng tên Nguyễn Thị L do Ngân hàng T Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K phát hành.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà L xác định số tiền 1.155.000.000 đồng đứng tên bà L trong 02 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAC 5707469 với số tiền gửi tiết kiệm là 655.000.000 đồng và thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAC 5707519 với số tiền gửi tiết kiệm là 500.000.000 đồng tại Ngân hàng T Việt Nam – Chi nhánh B - Phòng giao dịch K là tiền của bà B và ông A, bà L chỉ đứng tên trên sổ tiết kiệm theo giấy ủy quyền ngày 06/02/2020.

Bà L xác định từ trước đến nay bà B chưa bao giờ đề nghị bà L phải trả lại tiền tiết kiệm cho bà B và ông A . Số tiền tiết kiệm nêu trên bà L chỉ giữ giùm cho bà B , ông A và hiện nay số tiền này vẫn còn nguyên trong trong Ngân hàng . Bà L không đồng ý trả lại tiền tiết kiệm cho bà B, ông A với lý do là vì bà L muốn giữ số tiền này cho ông bà vì hiện nay ông bà đã tuổi cao , đầu óc không còn minh mẫn nên không thể trực tiếp giao dịch với ngân hàng.

Mặt khác, vào ngày 09/3/2021, bà L có đến để thăm nom ông A , bà B nhưng bị bà Nguyễn Thị Đ ngăn cản , xúc phạm bà L, không cho vào. Sự việc này bà L đã làm đơn yêu cầu ban tự quản Tổ dân phố ., thị trấn B, huyện K lập biên bản.

Bà B cho rằng bà O là người chủ yếu trông nom, chăm sóc ông A, bà B, còn chị B và chị Đ thường lui tới mua đồ ăn thức uống cho ông bà là không đúng vì bà O không cho bà L lui tới thăm nom ông bà.

Bà L đề nghị Tòa án cho bà L thời gian để về họp tất cả các thành viên trong gia đình để thống nhất phương án giải quyết sự việc tố t nhất nhằm đ ảm bảo quyền lợi cho ông A, bà B và sẽ có ý kiến cụ thể với Tòa án chậm nhất ngày 26/5/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà là con gái của bà Bùi Thị B, ông Nguyễn Ngọc A, bà đồng ý với việc khởi kiện đòi tiền của bà Bùi Thị B đối với bà Nguyễn Thị L. Số tiền bà L đứng tên giùm cho bà B gửi tại

Ngân hàng T Việt Nam là của bà B, ông Nguyễn Ngọc A. Khi ủy quyền bà B đã nói khi cần dùng đến tiền thì bà L phải rút tiền tại Ngân hàng giao lại cho bà B, hiện nay bà B, ông A đã có nơi ở mới bên cạnh nhà chị Nguyễn Thị O, để ổn định cuộc sống bà B đã yêu cầu bà L rút tiền ngân hàng nhưng bà L không chịu thực hiện làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi ích hợp pháp của bà B, ông A. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Thực hiện theo yêu cầu của bà B, bà Đ giữ hai sổ tiết kiệm mang tên bà Nguyễn Thị L, khi cơ quan pháp luật yêu cầu giao các sổ trên để giao tiền cho bà Đ thì bà giao cho cơ quan pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T Việt Nam trình bày tại văn bản số 404 ngày 15/4/2021 như sau: Ngân hàng nhận được thông báo về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ngân hàng có ý kiến như sau: Bà Nguyễn Thị L hiện có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng T Việt Nam – Chi nhánh B theo hai sổ tiết kiệm: Sổ tiết kiệm số AAC5707519, kỳ hạn 12 tháng, ngày gửi 22/9/2020 ngày đến hạn 22/9/2021 với số tiền gửi tiết kiệm là 500.000.000đ và sổ tiết kiệm số AAC5707469, kỳ hạn 01 tháng, ngày gửi 14/10/2020, số dư ban đầu 655.000.000đ, sau khi đến hạn, tiền lãi được nhập vào gốc và gửi tái tục với kỳ hạn như cũ. Ngân hàng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản số 1134/BIDV BM – K ngày 13/9/2021 Ngân hàng T – Chi Nhánh B cung cấp thông tin của khách hàng Nguyễn Thị L có số dư tiền gửi tại Ngân hàng T chi nhánh B – Phòng giao dịch K tính đến ngày 13/9/2021 cụ thể như sau:

- Sổ tiết kiệm số AAC5707519, kỳ hạn 12 tháng, ngày gửi 22/9/2020 ngày đến hạn 22/9/2021, số dư nợ gốc là 500.000.000đ, tiền lãi đến ngày 13/9/2021 là 29.260.274đ;

- Sổ tiết kiệm số AAC5707469, kỳ hạn 01 tháng, ngày gửi 14/10/2020, dư nợ gốc đến ngày 13/9/2021 là 672.333.479đ và tiền lãi 1.713.069đ.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền và đòi tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện K nên Toà án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự phù hợp quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa

vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 562, 565, 568 và 569 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 147 của BLTTDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy việc ủy quyền giữa bà Bùi Thị B cho bà Nguyễn Thị L tại giấy ủy quyền ngày 02/6/2020 và giấy chia tài sản ngày 15/9/2020 và buộc bị đơn phải trả cho vợ chồng bà B, ông A số tiền gốc và tiền lãi tại hai sổ gửi tiết kiệm tại Ngân hàng T Việt Nam – chi nhánh B cụ thể: Sổ tiết kiệm số AAC5707519, kỳ hạn 12 tháng, ngày gửi 22/9/2020 ngày đến hạn 22/9/2021, số dư nợ gốc là 500.000.000đ, tiền lãi đến ngày 13/9/2021 là 29.260.274đ;

- Sổ tiết kiệm số AAC5707469, kỳ hạn 01 tháng, ngày gửi 14/10/2020, dư nợ gốc đến ngày 13/9/2021 là 672.333.479đ và tiền lãi 1.713.069đ.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chiu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Nguyên đơn bà Bùi Thị B khởi kiện đòi yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền, đòi lại tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và đòi tài sản". Bị đơn bà L cư trú tại thôn T, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Nguyên đơn bà Bùi Thị B, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T Việt Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn bà Bùi Thị B yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị L phải trả khoản tiền gốc ban đầu 1.155.000.000đ và khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh đang gửi tại Ngân hàng T – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K mang tên bà L, bà B không tiếp tục ủy quyền cho bà L đứng tên gửi tiền tại Ngân hàng nữa.

[3.1] Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy phân chia tài sản đề ngày 15/9/2020 trong đó có thể hiện nội dung "Trích 500.000.000đ (Năm trăm triệu)

làm sổ tiết kiệm do con gái được ủy quyền là Nguyễn Thị L đứng tên rút tiền lãi hàng tháng đưa cho ông bà, số tiền còn lại là 1.100.000.000đ (tỷ mốt) gửi ngân hàng để mua đất làm nhà cho ông bà. Tôi ủy quyền cho con là Nguyễn Thị L gửi ngân hàng khi nào cần đến thông qua các thành viên để lo việc cho ông bà" bà Bùi Thị B ký và điểm chỉ và ông Nguyễn Ngọc A điểm chỉ bên người ủy quyền, bà Nguyễn Thị L ký bên người được ủy quyền. Giấy xác nhận ngày 22/9/2020 có thể hiện nội dung "Hôm nay là ngày 22/9/2020 bà ngoại Bùi Thị B có ủy quyền cho Nguyễn Thị L mở hai sổ tiết kiệm, 01 sổ với số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) với thời hạn 12 tháng. 01 sổ tiết kiệm với số tiền 1.700.000.000đ với kỳ hạn 01 tháng. Hiện số tiết kiệm do Nguyễn Thị Đ giữ, khi cần sử dụng thì thông qua các thành viên trong gia đình, còn sổ tiết kiệm đứng tên Nguyễn Thị L, khi có chuyện gì thì ủy quyền cho Nguyễn Thị M hoặc Nguyễn Thị Đ quyết định" được bà Bùi Thị B ký, các thành viên Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị M ký. (Bản sao) Sổ tiết kiệm số AAC5707519, kỳ hạn 12 tháng, ngày gửi 22/9/2020 ngày đến hạn 22/9/2021 với số tiền gửi tiết kiệm là 500.000.000đ và sổ tiết kiệm số AAC5707469, kỳ hạn 01 tháng, ngày gửi 14/10/2020, số dư ban đầu 655.000.000đ, đứng tên người gửi là Nguyễn Thị L. Còn bị đơn bà L có cung cấp một bản phô tô vào giấy ủy quyền đề ngày 06/02/2020 có nội dung bà B ủy quyền cho bà L giải quyết các công việc gia đình có kèm bàn với các thành viên gia đình". Xét thấy, việc ủy quyền được xác lập trong nhiều văn bản bản có chữ ký của các bên không được công chứng, chứng thực, nhưng thể hiện ý chí tự nguyện của bà B trong việc ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L gửi tiền vào ngân hàng. Mối quan hệ giữa nguyên đơn bà Bùi Thị B (là mẹ đẻ) và bị đơn bà Nguyễn Thị L (là con gái bà B) do bà B già yếu đi lại khó khăn nên bà ủy quyền cho bà L đứng tên gửi tiền tiết kiệm vào Ngân hàng cho bà B. Bà L thực hiện việc ủy quyền trên là hoàn toàn vì lợi ích của bà B, ông A (là bố mẹ bà L).

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L xác định số tiền 1.155.000.000 đồng đứng tên bà L trong 02 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAC 5707469 với số tiền gửi tiết kiệm là 655.000.000 đồng và Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAC 5707519 với số tiền gửi tiết kiệm là 500.000.000 đồng tại Ngân hàng T Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K là tiền của bà B và ông A. Bà L chỉ đứng tên trên sổ tiết kiệm theo giấy ủy quyền ngày 06/02/2020.

[3.3] Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn giao nộp, lời trình bày của bị đơn, có cơ sở xác định số tiền bà L đứng tên gửi tại hai sổ tiết AAC 5707469 với số tiền gửi tiết kiệm là 655.000.000 đồng và số tiết kiệm có kỳ hạn số AAC 5707519 với số tiền gửi tiết kiệm là 500.000.000 đồng tại Ngân hàng T Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K là tiền của bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Ngọc A. Tuy nhiên, khi bà B có nơi ở mới, có nhà và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tổ dân phố .., thị trấn B, huyện K, bà đã yêu cầu bà L rút tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng cho bà nhưng bà L không đồng ý với lý do bà B đã già, không còn minh mẫn, không giao dịch được với

Ngân hàng là bà L đã tự hạn chế, xâm phạm quyền tự định đoạt của bà B là của chủ sở hữu đối với tài sản của mình, được quy định tại 163, 164 và 165 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.4] Bà B ủy quyền cho bà L đứng tên gửi tiết kiệm tại ngân hàng với mục đích là để vợ chồng bà B, ông A hưởng tiền lãi hàng tháng để phục vụ chi tiêu sinh hoạt gia đình và khi cần thì rút tiền gốc ra để sử dụng. Nhưng, bà L đã không thực hiện việc rút tiền khi bà B đã yêu cầu, không những xâm phạm đến quyền tự định đoạt tài sản của chủ sở hữu, mà còn vi phạm nghĩa vụ của bên được ủy quyền, không vì lợi ích của bên ủy quyền, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên được ủy quyền quy định tại các điều 562, 565 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà B có quyền chấm dứt việc ủy quyền đối với cho bà L đứng tên trên các sổ tiết kiệm mà bà L đã gửi tại Ngân hàng T Việt Nam.

[3.5] Căn cứ vào các điều 163, 164, 166, 427, 562, 565, 568 và 569 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B là phù hợp pháp luật. Hủy việc ủy quyền giữa bà Bùi Thị B và bà Nguyễn Thị L tại giấy ủy quyền đề ngày 06/02/2020; giấy phân chia tài sản ngày 15/9/2020 và giấy biên nhận ngày 22/9/2020. Buộc bà L phải trả lại cho bà Bùi Thị B, ông Nguyễn Ngọc A số tiền gốc và tiền lãi phát sinh do bà L đứng tên gửi tại Ngân hàng T Việt Nam – Chi Nhánh B – Phòng giao dịch K tại hai số tiết kiệm cụ thể như sau:

1/ Sổ tiết kiệm số AAC5707519, kỳ hạn 12 tháng, ngày gửi 22/9/2020 ngày đến hạn 22/9/2021, số dư nợ gốc là 500.000.000đ, tiền lãi đến ngày 13/9/2021 là 29.260.274đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2021;

2/ Sổ tiết kiệm số AAC5707469, kỳ hạn 01 tháng, ngày gửi 14/10/2020, dư nợ gốc đến ngày 13/9/2021 là 672.333.479đ; tiền lãi tính đến ngày 13/9/2021 là 1.713.069đ và toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2021.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị L phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Bùi Thị B là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, bà Bùi Thị B, ông Nguyễn Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 474, khoản các điều 163, 164, 166, 427, 562, 565, 568 và 569 của Bộ luật dân sự của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

Tuyên hủy việc ủy quyền giữa người ủy quyền bà Bùi Thị B và người được ủy quyền bà Nguyễn Thị L theo giấy ủy quyền ngày 06/02/2020, giấy phân chia tài sản ngày 15/9/2020 và giấy biên nhận ngày 22/9/2020.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Bùi Thị B, ông Nguyễn Ngọc A số tiền gốc và lãi do bà L đứng tên gửi tại Ngân hàng T Việt Nam - chi nhánh B – Phòng giao dịch K tại các số tiết kiệm sau:

* Sổ tiết kiệm số AAC5707519, kỳ hạn 12 tháng, ngày gửi 22/9/2020 ngày đến hạn 22/9/2021, số dư nợ gốc là 500.000.000đ, tiền lãi đến ngày 13/9/2021 là 29.260.274đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/9/2021;

* Sổ tiết kiệm số AAC5707469, kỳ hạn 01 tháng, ngày gửi 14/10/2020, dư nợ gốc đến ngày 13/9/2021 là 672.333.479đ; tiền lãi tính đến ngày 13/9/2021 là 1.713.069đ và toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2021.

2/ Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 48.099.000đ. (*Bốn mươi tám triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng).*

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS Krông Ana;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên